

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/DS-ST
Ngày: 17-7-2025
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – TÂY NINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Miên

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hoàng Nam
- Bà Nguyễn Thị Hồng Châu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Phước Long - Cán bộ Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Đỗ Phúc Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 94/2025/QĐST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty C1.

Địa chỉ: Số C T, phường S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông C, Y - C – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Diệp Yến B – Trưởng phòng Thu hồi công nợ. Theo Giấy ủy quyền số 01.2025/GUQ-COL ngày 02/01/2025.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Ông Hà Nhật M – Nhân viên.

- Bị đơn: Ông Võ Văn D, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp E T, xã B, tỉnh Tây Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp E T, xã B, tỉnh Tây Ninh.

(Ông M, ông D xin vắng mặt, bà T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn Công ty C1 do ông Hà Nhật M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty C1 (Sau đây gọi tắt là “Công ty C1”) là tổ chức tín dụng phi ngân hàng có chức năng cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật Việt Nam. Ông Võ Văn D là khách hàng thuê tài chính của Công ty C1.

Do ông D có nhu cầu trong hoạt động kinh doanh của mình và đề nghị Công ty C1 tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số I220936301 ký ngày 27/09/2022 (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà ông D có nhu cầu thuê tài chính là: Xe ô tô con, hiệu MG, biển số: 62LD – 019.54 và Xe ô tô con, hiệu MG, biển số: 62LD – 019.61

Cùng ngày 27/09/2022, để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của ông D theo Hợp đồng thuê, Công ty C1 chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà Trần Thị Thu T1. Theo đó, trường hợp ông D không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê thì bà T1 cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay ông D.

Để thực hiện hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty C1 đã ký hợp đồng mua bán số I220936301-PC ngày 27/09/2022 với Công ty Cổ Phần M1 để mua tài sản nêu trên và cho ông D thuê lại tài sản này. Đây là hình thức cho thuê tài chính theo quy định của pháp luật và ông D đã ký Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản vào ngày 27/09/2022 để xác nhận về việc đã nghiệm thu tài sản.

Giá mua tài sản là 1.273.800.000 đồng, ông D trả trước 127.380.000 đồng, Công ty C1 tài trợ 1.146.420.000 đồng. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 84 tháng, bắt đầu từ ngày 30/09/2022 đến ngày 25/09/2029.

Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C2 với biên độ là 8.65%. Theo đó, mức lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 10%/năm.

Hằng tháng, ông D phải thanh toán cho Công ty C1 tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi thuê được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C1 đã tài trợ cùng với các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi ông D trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty C1 vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 6 của Hợp đồng thuê, nếu ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê hoặc bị mất khả năng thanh toán, Công ty C1 đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu ông D bồi thường thiệt hại (nếu có).

Đến kỳ thanh toán ngày 25/11/2023, ông D đã không thanh toán cho Công ty C1 đúng hạn. Mặc dù Công ty C1 đã cố gắng liên hệ, nhắc nợ nhiều lần để yêu cầu thanh toán nhưng vẫn không nhận được sự hợp tác từ ông D.

Ngày 20/11/2024, Công ty C1 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy

định tại Điều 6 của Hợp đồng thuê. Theo đó yêu cầu ông D thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 20/11/2024 (ngày chấm dứt Hợp đồng) là 1.382.368.805 đồng (một tỷ ba trăm tám mươi hai triệu ba trăm sáu mươi tám nghìn tám trăm lẻ năm đồng).

Kể từ ngày Công ty C1 đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, ông D cũng không thanh toán cho Công ty C1 số tiền theo Thông báo chấm dứt hợp đồng và thu hồi tài sản thuê nêu trên. Đồng thời, ông D cũng không bàn giao tài sản thuê cho Công ty C1. Điều này đã xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty C1.

Vì vậy, Công ty C1 khởi kiện vụ án ra Tòa án nhân dân Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An yêu cầu giải quyết những nội dung sau:

1. Buộc ông Võ Văn D thanh toán cho Công ty C1 số tiền thuê còn nợ (tạm tính đến ngày 28/03/2025) là 1.413.993.559 đồng (một tỷ bốn trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng), cụ thể:

+ Nợ gốc là: 941.299.096 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác: 441.609.709 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn tính tới ngày 28/03/2025: 31.624.754 đồng.

2. Buộc ông Võ Văn D thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 29/03/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Trường hợp ông Võ Văn D không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, buộc ông D giao trả Tài sản thuê cho Công ty C1 để thanh lý, cần trừ vào số tiền thuê mà ông D còn nợ, cụ thể là tài sản: Xe ô tô con, hiệu MG, biển số: 62LD – 019.54 và Xe ô tô con, hiệu MG, biển số: 62LD – 019.61.

4. Trường hợp ông Võ Văn D không giao trả Tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số tiền còn nợ theo các thư bảo lãnh cá nhân mà bà T đã ký.

Bị đơn ông Võ Văn D trình bày tại bản trình bày ý kiến và đơn xin vắng mặt:

Ông D xác định có ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số I220936301 ngày 27/9/2022 để thuê tài chính đối với tài sản thuê là 02 xe ô tô con hiệu MG biển số 62LD-019.54 và 62LD-019.61, giá mua tài sản là 1.273.800.000 đồng, ông D trả trước 127.380.000 đồng, chailease tài trợ 1.146.420.000 đồng, thời hạn thuê là 84 tháng từ ngày 30/9/2022 đến 25/9/2029, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi cộng với biên độ là 8,65%, mức lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 10%/năm. Hàng tháng ông phải trả một phần vốn gốc và khoảng tiền lãi thuê được tính trên dư nợ giảm dần do đến khi trả hết nợ. Đến kỳ thanh toán ngày 25/11/2023 ông không thanh toán đúng hạn cho gặp khó khăn về kinh tế. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông đồng ý toàn bộ. Tuy nhiên, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin được gia hạn thời gian trả khoảng 6 tháng.

Tài sản thuê là 02 xe ô tô con hiệu MG biển số 62LD-019.54 và 62LD-019.61 hiện nay ông đang quản lý, trường hợp ông không thanh toán nợ đúng cam kết thì đồng ý giao trả tài sản thuê cho Công ty để thanh lý.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1992, địa chỉ: ấp E, xã T, huyện B, tỉnh Long An với tôi có quan hệ hôn nhân tại thời điểm ký hợp đồng thuê. Tuy nhiên, ông và bà T đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 33/2023/QĐCNTTLH ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Toà án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà cho bà Nguyễn Thị Thu T. Tuy nhiên, bà T đều không có mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, việc giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung:

Hợp đồng cho thuê tài chính số I220936301 ký ngày 27/09/2022 giữa Công ty C1 và ông Võ Văn D được xác lập theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực và trách nhiệm hành vi dân sự. Hình thức và nội dung của hợp đồng không trái đạo đức xã hội, không vi phạm các quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Võ Văn D thừa nhận không thanh toán nợ đúng hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Tạm tính đến ngày 28/03/2025 ông D còn nợ số tiền là 1.413.993.559 đồng (một tỷ bốn trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng), cụ thể: Nợ gốc là: 941.299.096 đồng; nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác: 441.609.709 đồng; nợ lãi quá hạn tính tới ngày 28/03/2025: 31.624.754 đồng. Ông D đồng ý thanh toán số tiền còn nợ và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 29/03/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Do đó, yêu cầu của Công ty C1 là có căn cứ chấp nhận.

Về tài sản thuê là 02 xe ô tô con hiệu MG biển số 62LD-019.54 và 62LD-019.61 hiện nay đang do ông D quản lý sử dụng. Công ty C1 và ông Võ Văn D đều thống nhất trường hợp ông Võ Văn D không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, ông

D đồng ý giao trả Tài sản thuê cho Công ty C1 để thanh lý, căn trừ vào số tiền thuê mà ông D còn nợ là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với Thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Thị Thu T ngày 27/09/2022, đồng ý bảo lãnh thực hiện các nghĩa vụ của Võ Văn D đối với Công ty C1 theo Hợp đồng cho thuê tài chính số I220936301 ký ngày 27/09/2022. Việc bà T ký kết Thư bảo lãnh nêu trên là tự nguyện, nội dung thư bảo lãnh phù hợp với Điều 335, 336 và 338 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty về việc bà T bảo lãnh cho khoản nợ của ông D.

Từ những nhận định trên, Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 298, Điều 299, khoản 2 Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 342, Điều 351, Điều 424 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C1.

NHẬN ĐỊNH TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

[1] Công ty C1 yêu cầu ông Võ Văn D thanh toán tiền từ hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

[2] Ông Hà Nhật M đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty C1 và bị đơn ông Võ Văn D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung tranh chấp:

[3] Công ty C1 thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C1 và ông Võ Văn D có ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số I220936301 ngày 27/09/2022. Xét thấy, các bên đã thỏa thuận và xác lập Hợp đồng theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử nhận thấy đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[4] Theo hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty C1 đã ký hợp đồng mua bán số I220936301-PC ngày 27/09/2022 với Công ty Cổ Phần M1 để mua tài sản nêu trên và cho ông D thuê lại tài sản này (theo Biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản vào ngày 27/09/2022). Giá mua tài sản là 1.273.800.000 đồng, ông D trả trước 127.380.000 đồng, Công ty C1 tài trợ 1.146.420.000 đồng. Thời hạn thuê của Hợp đồng thuê là 84 tháng, bắt đầu từ ngày 30/09/2022 đến ngày 25/09/2029. Lãi suất thuê là lãi suất thả nổi được tính dựa trên lãi suất tiêu chuẩn VND của Công ty C2 với biên độ là 8.65%. Theo đó, mức lãi suất tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 10%/năm. Hàng tháng, ông D phải thanh toán cho Công ty C1 tiền

thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi thuê được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty C1 đã tài trợ cùng với các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Tuy nhiên, đến ngày 25/11/2023 ông D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên. Tính đến ngày 28/03/2025, ông Võ Văn D còn nợ Công ty C1 số tiền 1.413.993.559 đồng (một tỷ bốn trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng), bao gồm: 941.299.096 đồng nợ gốc, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác là 441.609.709 đồng, nợ lãi quá hạn là 31.624.754 đồng. Ông D thừa nhận việc giao kết hợp đồng, thống nhất số tiền còn nợ và đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C1 về việc yêu cầu ông D thanh toán 1.413.993.559 đồng (bao gồm: 941.299.096 đồng nợ gốc, 441.609.709 đồng nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác, 31.624.754 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/3/2025) và tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 29/03/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[5] Về tài sản thuê là 02 xe ô tô con hiệu MG biển số 62LD-019.54 và 62LD-019.61 hiện nay đang do ông D quản lý sử dụng. Công ty C1 và ông Võ Văn D đều thống nhất trường hợp ông Võ Văn D không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, ông D đồng ý giao trả Tài sản thuê cho Công ty C1 để thanh lý, cản trừ vào số tiền thuê mà ông D còn nợ nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Tại Thư bảo lãnh cá nhân của bà Nguyễn Thị Thu T ngày 27/09/2022, đồng ý bảo lãnh thực hiện các nghĩa vụ của Võ Văn D đối với Công ty C1 theo Hợp đồng cho thuê tài chính số I220936301 ký ngày 27/09/2022. Việc bà T ký kết Thư bảo lãnh nêu trên là tự nguyện, nội dung thư bảo lãnh phù hợp với Điều 335, 336 và 338 Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án bà T không có ý kiến trình bày phản đối về việc bảo lãnh. Do đó, Trường hợp ông Võ Văn D không giao trả Tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số tiền còn nợ theo các thư bảo lãnh cá nhân mà bà T đã ký.

[7] Từ những nhận định trên, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

[8] Về chi phí tố tụng: 1.000.000 đồng thu thập chứng cứ bị đơn ông Võ Văn D phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên ông D phải nộp để trả lại cho Công ty C1 số tiền 1.000.000 đồng.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ Văn D có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trên nghĩa vụ phải thực hiện theo quy định tại Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty C1 không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà Công ty đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 298, Điều 299, khoản 2 Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 351, Điều 424 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 4 Điều 4, khoản 2 Điều 91, Điều 113 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C1.

1.1 Buộc ông Võ Văn D có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty C1 số tiền 1.413.993.559 đồng (một tỷ bốn trăm mười ba triệu chín trăm chín mươi ba nghìn năm trăm năm mươi chín đồng), bao gồm: 941.299.096 đồng nợ gốc, 441.609.709 đồng nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác, 31.624.754 đồng nợ lãi quá hạn tính đến ngày 28/3/2025.

1.2. Buộc ông Võ Văn D thanh toán cho Công ty C1 tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 29/03/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

1.3. Trường hợp ông Võ Văn D không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, buộc ông D giao trả tài sản thuê là: Xe ô tô con, hiệu MG, biển số 62LD – 019.54 và Xe ô tô con, hiệu MG, biển số 62LD – 019.61 cho Công ty C1 để thanh lý, cần trừ vào số tiền thuê mà ông D còn nợ.

1.4. Trường hợp ông Võ Văn D không giao trả Tài sản thuê hoặc số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ, buộc bà Nguyễn Thị Thu T có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C1 toàn bộ số tiền còn nợ theo Thư bảo lãnh cá nhân ngày 27/09/2022.

2. Về chi phí tố tụng: 1.000.000 đồng thu thập chứng cứ bị đơn ông Võ Văn D phải chịu. Nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên ông D phải nộp để trả lại cho Công ty C1 số tiền 1.000.000 đồng.

3. Về án phí: Ông Võ Văn D phải chịu 54.419.807 đồng (năm mươi bốn triệu bốn trăm mười chín nghìn tám trăm linh bảy đồng) sung Ngân sách nhà nước.

Hoàn trả cho Công ty C1 số tiền 27.509.000 đồng (hai mươi bảy triệu năm trăm lẻ chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0007688 ngày 22/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Tây Ninh.
- VKSND khu vực 4 – Tây Ninh.
- THA tỉnh Tây Ninh.
- Các đương sự.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký tên, đóng dấu)

Hồ Thị Miên